

Số: 12/2019/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;*

*Căn cứ Nghị định số 28/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về một số biện pháp phát triển ngoại thương;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương;*

*Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia (sau đây gọi tắt là Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg)**

1. Bổ sung khoản 3 Điều 6 như sau:

“3. Kinh phí Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại được sử dụng cho mục đích sau:

a) Chi cho các nội dung xúc tiến thương mại quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11 của Quy chế này.

b) Chi cho hoạt động quản lý Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại.”

2. Điều 9 được sửa đổi như sau:

**“Điều 9. Hoạt động xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương được hỗ trợ từ Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại**

Hoạt động xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương được hỗ trợ từ Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại bao gồm các hoạt động quy định tại Điều 15 Nghị định số 28/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về một số biện pháp phát triển ngoại thương (sau đây gọi tắt là Nghị định số 28/2018/NĐ-CP).”

3. Điều 12 được sửa đổi như sau:

**“Điều 12. Mức hỗ trợ**

1. Mức hỗ trợ tối đa 100% áp dụng cho các hoạt động xúc tiến thương mại quy định tại Điều 9 Quy chế này.

2. Mức hỗ trợ 100% áp dụng cho các nội dung quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 7 Điều 10 và Điều 11 Quy chế này.

3. Mức hỗ trợ 70% áp dụng cho các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 10 Quy chế này.

4. Mức hỗ trợ 50% áp dụng cho các nội dung quy định tại khoản 1, khoản 5 và khoản 6 Điều 10 Quy chế này.

5. Hỗ trợ kinh phí cho người của đơn vị chủ trì đi theo đoàn thực hiện công tác tổ chức đối với hoạt động tổ chức, tổ chức tham gia hội chợ triển lãm thương mại tại nước ngoài và tổ chức đoàn khảo sát thị trường, giao dịch với tổ chức, doanh nghiệp ở nước ngoài: Hỗ trợ công tác phí cho 01 người của đơn vị chủ trì đi theo đoàn thực hiện công tác tổ chức đối với đoàn có dưới 08 doanh nghiệp, hỗ trợ 02 người cho đoàn có từ 08 đến 15 doanh nghiệp, hỗ trợ 03 người cho đoàn có từ 16 đến 30 doanh nghiệp, và 04 người cho đoàn có từ 31 đến 50 doanh nghiệp và 05 người cho đoàn từ 51 doanh nghiệp trở lên.”

4. Điều 13 được sửa đổi, bổ sung như sau:

**“Điều 13. Quy trình xây dựng và bổ sung, chấm dứt thực hiện đề án**

1. Quy trình xây dựng đề án Chương trình thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 28/2018/NĐ-CP.

2. Bổ sung đề án thực hiện Chương trình thực hiện theo quy định tại Điều 11 của Nghị định số 28/2018/NĐ-CP.

3. Ban Quản lý Chương trình, căn cứ vào tiêu chí lựa chọn đề án xúc tiến thương mại quốc gia, đánh giá nội dung các đề án và tổng hợp gửi Hội đồng thẩm định trước tháng 11 của năm trước năm kế hoạch.

4. Hợp đồng giao nhiệm vụ thực hiện đề án trong Chương trình thực hiện theo quy định tại Điều 12 của Nghị định số 28/2018/NĐ-CP.

5. Điều chỉnh, thay đổi nội dung, chấm dứt thực hiện đề án thực hiện theo quy định tại Điều 13 của Nghị định số 28/2018/NĐ-CP.

6. Báo cáo kết quả thực hiện đề án thực hiện theo quy định tại Điều 14 của Nghị định số 28/2018/NĐ-CP.

7. Đề án mang tính dài hạn có quá trình thực hiện trên 02 năm, đơn vị chủ trì phải xây dựng nội dung và kinh phí tổng thể cho cả giai đoạn và chi tiết cho từng năm.

8. Bộ Công Thương rà soát tiến độ, nội dung, kinh phí thực hiện các đề án để điều chỉnh, thu hồi kinh phí chưa sử dụng hết, phê duyệt bổ sung đề án thực hiện Chương trình.

9. Ban hành kèm theo Quy chế này các mẫu văn bản, báo cáo sau:

- a) Mẫu số 01 “Văn bản đề xuất đề án thực hiện Chương trình”.
- b) Mẫu số 02 “Đề án chi tiết thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại”.
- c) Mẫu số 03 “Văn bản đề xuất bổ sung đề án thực hiện Chương trình”.
- d) Mẫu số 04 “Văn bản đề nghị điều chỉnh/thay đổi nội dung/chấm dứt thực hiện đề án”.
- đ) Mẫu số 05 “Báo cáo thực hiện đề án của đơn vị chủ trì”.

## **Điều 2. Bãi bỏ các điều, khoản**

1. Bãi bỏ khoản 4 Điều 7, Điều 14, Điều 16.
2. Thay đổi từ “xuất khẩu” thành từ “ngoại thương” tại các Điều 2, 5.
3. Thay đổi cụm từ “Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia” thành “Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại”.

## **Điều 3. Trách nhiệm thi hành**

Bộ trưởng các Bộ: Công Thương, Tài chính và các bộ có liên quan, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

## **Điều 4. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 4 năm 2019.

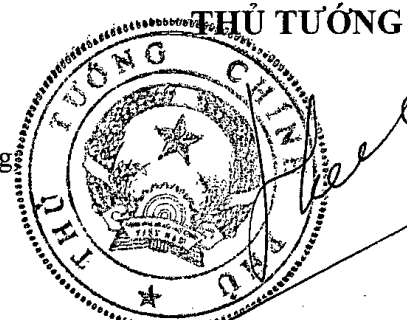
## Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp

Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia đã được Bộ Công Thương phê duyệt trước ngày Quyết định này có hiệu lực tiếp tục thực hiện theo quy định tại Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg.

Nội dung xúc tiến thương mại thị trường trong nước và xúc tiến thương mại miền núi, biên giới và hải đảo thực hiện theo quy định tại Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg./.

### Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (2b). PC 205



**Nguyễn Xuân Phúc**



**Phụ lục**

(Kèm theo Quyết định số 12/2019/QĐ-TTg  
ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ)

Mẫu số 01	Văn bản đề xuất đề án thực hiện Chương trình
Mẫu số 02	Đề án chi tiết thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại
Mẫu số 03	Văn bản đề xuất bổ sung đề án thực hiện Chương trình
Mẫu số 04	Văn bản đề nghị điều chỉnh/thay đổi nội dung/chấm dứt thực hiện đề án
Mẫu số 05	Báo cáo thực hiện đề án của đơn vị chủ trì

Mẫu số 01

TÊN ĐƠN VỊ CHỦ TRÌCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúcSố: /  
V/v đề xuất Chương trình  
cấp quốc gia về xúc tiến thương mại  
năm.....

, ngày tháng năm

Kính gửi: Bộ Công Thương (Cục Xúc tiến thương mại).

(Tên đơn vị chủ trì) đề xuất ..... đề án xúc tiến thương mại quốc gia  
năm ..... với tổng kinh phí đề nghị nhà nước hỗ trợ là ..... triệu đồng.(Tên đơn vị chủ trì) gửi kèm đây các tài liệu<sup>1</sup> sau:1. Danh mục đề án thuộc Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương  
mại năm ..... được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên.

2. Đề án chi tiết.

3. Bản sao (không cần chứng thực) quyết định thành lập hoặc Điều lệ  
(hoặc văn bản có giá trị tương đương), báo cáo tình hình hoạt động xúc tiến  
thương mại của đơn vị chủ trì trong năm gần nhất.(Tên đơn vị chủ trì) cử các nhân sự sau chịu trách nhiệm tổ chức triển  
khai Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại năm.....:**Chủ nhiệm chương trình:** Ông/Bà..... - (Chức vụ)

Điện thoại cố định: ..... Di động:.....

Fax:..... Email:.....

**Điều phối viên chương trình:** Ông/Bà..... - (Chức vụ)

Điện thoại cố định: ..... Di động:.....

Fax:..... Email:.....

Kính đề nghị Bộ Công Thương tiếp nhận, thực hiện các thủ tục liên  
quan, xem xét phê duyệt./.**Nơi nhận:**- Như trên;  
- Lưu: VT, ....**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)<sup>1</sup> Đơn vị chủ trì thực hiện gửi hồ sơ bản cứng, đồng thời gửi bản mềm đến địa chỉ: xttmqg@vietrade.gov.vn

**TÊN ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ**

(*Tỉnh, thành phố*), ngày      tháng      năm

**ĐỀ ÁN**

Tên đề án: .....

**1. Sự cần thiết**

- Nêu đặc điểm, xu thế thị trường thế giới; phân tích tính phù hợp của đề án này với định hướng phát triển kinh tế xã hội, chiến lược xuất khẩu quốc gia/phát triển thị trường nội địa/miền núi, biên giới và hải đảo, chiến lược xuất khẩu chung về ngành hàng và/hoặc thị trường.

- Chứng minh sự phù hợp của đề án với thực trạng về mặt hàng, thị trường, doanh nghiệp, môi trường cạnh tranh.

- Chứng minh đề án xuất phát từ nhu cầu của doanh nghiệp (đề nghị gửi kèm tài liệu).

- Nêu rõ lý do và sự cần thiết phải triển khai thực hiện đề án.

- Làm rõ, cụ thể hóa và chi tiết hóa đề án sẽ góp phần phát triển xuất khẩu/thị trường trong nước/miền núi, biên giới và hải đảo như thế nào.

- Làm rõ, cụ thể hóa và chi tiết hóa đề án sẽ góp phần nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh của cộng đồng doanh nghiệp như thế nào.

- Đề án đóng vai trò gì trong kế hoạch tổng thể về phát triển ngành hàng và vùng kinh tế? Chương trình giúp phát huy hoặc khai thác lợi thế của ngành hàng hay của thị trường mục tiêu như thế nào? Hay chương trình khắc phục được hạn chế gì của doanh nghiệp trong ngành?

- Làm rõ sự tham gia ủng hộ của các địa phương có mặt hàng mục tiêu của đề án.

- Đề án đã được đơn vị thực hiện từ năm .... Một số kết quả chính của các năm trước.

- Đối với đề xuất tổ chức tham gia hội chợ triển lãm trong và ngoài nước, bổ sung thêm thông tin giới thiệu về hội chợ.

## 2. Mục tiêu

### 3. Nội dung chương trình

- Thời gian: (đề án đề xuất dài hạn ghi rõ giai đoạn thực hiện).
- Địa điểm:
- Đối tượng mục tiêu: Nêu rõ thành phần doanh nghiệp dự kiến tham gia, tiêu chí lựa chọn doanh nghiệp.
- Mặt hàng mục tiêu: Nêu rõ tiêu chí lựa chọn mặt hàng trưng bày.
- Thị trường mục tiêu:
- Quy mô: Số lượng doanh nghiệp dự kiến tham gia (và quy mô gian hàng dự kiến đối với hội chợ, phiên chợ).
- Nội dung hoạt động chính:

### 4. Phương thức triển khai

- Nêu rõ đối tác, nguyên tắc phối hợp để đạt mục tiêu đề án.
- Kinh nghiệm, khả năng hợp tác với các chuyên gia, đối tác uy tín trong và ngoài nước để thực hiện đề án.
- Các dịch vụ gia tăng đơn vị chủ trì có thể hỗ trợ doanh nghiệp, khả năng huy động các nguồn lực khác hỗ trợ doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả hoạt động (nếu có).
- Đối với đề án đề xuất trung hạn:
  - + Nêu rõ mặt hàng trọng điểm cụ thể từng năm, đối tượng khách hàng cụ thể cho ngành hàng mục tiêu từng năm, và hàng năm có thể điều chỉnh đề án phù hợp với diễn biến mới của thị trường.
  - + Phương án triển khai cần làm rõ cách thức phát triển đề án các năm tiếp theo theo hướng tăng dần quy mô sự kiện hoặc tăng chất lượng các dịch vụ xúc tiến thương mại, chất lượng doanh nghiệp tham gia,...
  - + Xây dựng phương án tài chính từng năm, phương án huy động tài chính từ các nguồn khác và doanh nghiệp theo hướng tăng dần mức đóng góp của doanh nghiệp qua số lần tham gia, giảm dần tỉ lệ hỗ trợ của nhà nước.

### 5. Kế hoạch triển khai và tiến độ thực hiện

STT	Hạng mục công việc chính	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Bố trí nhân lực



Đối với đề án đề xuất trung hạn: Xây dựng kế hoạch triển khai và tiến độ thực hiện của từng năm trong giai đoạn đề xuất.

**6. Dự toán kinh phí:** Chi tiết theo bảng kèm theo

- Tổng dự toán kinh phí: .....đồng

- Phần đề nghị Nhà nước hỗ trợ: .....đồng

Đối với đề án trung hạn:

Xây dựng dự toán chi tiết của từng năm trong giai đoạn.

**7. Rủi ro dự kiến và các biện pháp khắc phục**

Dự báo các rủi ro có thể xảy ra làm ảnh hưởng tới hiệu quả của chương trình. Trong từng tình huống, nêu ra các biện pháp khắc phục, phòng ngừa rủi ro.

**8. Hiệu quả dự kiến**

Phân tích hiệu quả dự kiến cả về mặt định tính và định lượng, ngắn hạn và dài hạn, trực tiếp và gián tiếp phù hợp với mục tiêu đề ra của chương trình.

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TÊN ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ

**DỰ TOÁN KINH PHÍ CHI TIẾT CHƯƠNG TRÌNH CẤP QUỐC GIA  
VỀ XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI NĂM .....**

Tên đề án.....

STT	Nội dung hạng mục công việc	Dự toán đơn vị thực hiện đề nghị						Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tổng kinh phí đề án	Tổng kinh phí hỗ trợ	
1	Chi phí hỗ trợ doanh nghiệp							
2	Chi phí cho cán bộ tổ chức							
	<b>Tổng cộng</b>							

, ngày tháng năm  
**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
 (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 03

TÊN ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

, ngày tháng năm

V/v đề xuất bổ sung Chương trình  
cấp quốc gia về xúc tiến thương mại  
năm.....

Kính gửi: Bộ Công Thương (Cục Xúc tiến thương mại).

Tiếp theo văn bản số... ngày... về việc đề xuất Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại năm... (nếu trước đây đã đề xuất), (Tên đơn vị chủ trì) đề xuất bổ sung ..... đề án xúc tiến thương mại năm ..... với tổng kinh phí đề nghị nhà nước hỗ trợ là..... triệu đồng.

(Tên đơn vị chủ trì) gửi kèm đây các tài liệu<sup>1</sup> sau:

1. Danh mục đề án đề xuất bổ sung Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại năm..... được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên.

2. Đề án chi tiết được đề xuất bổ sung.

3. Bản sao (không cần chứng thực) quyết định thành lập hoặc Điều lệ (hoặc văn bản có giá trị tương đương), báo cáo tình hình hoạt động xúc tiến thương mại của đơn vị chủ trì trong năm gần nhất (đối với đơn vị chưa đề xuất Chương trình xúc tiến thương mại trong năm trước năm kế hoạch).

(Tên đơn vị chủ trì) cử các nhân sự sau chịu trách nhiệm tổ chức triển khai Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia năm.....:

**Chủ nhiệm chương trình:** Ông/Bà..... - (Chức vụ)

Điện thoại cố định: ..... Di động:.....

Fax:..... Email:.....

**Điều phối viên chương trình:** Ông/Bà..... - (Chức vụ)

Điện thoại cố định: ..... Di động:.....

Fax:..... Email:.....

Kính đề nghị Bộ Công Thương tiếp nhận, thực hiện các thủ tục liên quan, xem xét phê duyệt./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, ....

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

<sup>1</sup> Đơn vị chủ trì thực hiện gửi hồ sơ bản cứng, đồng thời gửi bản mềm đến địa chỉ: .....

Mẫu số 04

TÊN ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

, ngày tháng năm

V/v điều chỉnh nội dung/chấm dứt  
thực hiện đề án Chương trình cấp  
quốc gia về xúc tiến thương mại

Kính gửi: Bộ Công Thương (Cục Xúc tiến thương mại).

Tại Quyết định số .... ngày .... tháng .... năm ... của Bộ trưởng Bộ Công Thương, (Đơn vị chủ trì) đã được phê duyệt thực hiện đề án (Tên đề án) thuộc Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại năm ..... (Đơn vị chủ trì) đã triển khai công tác chuẩn bị thực hiện đề án và đề xuất như sau:

1. Đề nghị thay đổi nội dung đề án/Chấm dứt thực hiện đề án:

.....  
.....

2. Lý do:

.....  
.....

(Đơn vị chủ trì) đề nghị Bộ Công Thương xem xét chấp thuận./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT.

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 05

TÊN ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúcSố: /  
V/v báo cáo kết quả thực hiện  
Chương trình cấp quốc gia  
về xúc tiến thương mại năm.....

, ngày tháng năm

Kính gửi: Bộ Công Thương (Cục Xúc tiến thương mại).

Thực hiện Đề án (Tên Đề án) thuộc Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại được Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt tại Quyết định số /QĐ-BCT ngày tháng năm , (Tên đơn vị chủ trì) báo cáo kết quả thực hiện như sau:

1. Mục tiêu chính của đề án:

2. Thời gian thực hiện:

3. Địa điểm:

4. Đối tượng tham gia:

5. Quy mô:

a) Số lượng đơn vị tham gia:..., trong đó: Số lượng DNVVN..., HTX...

b) Gian hàng (nếu có):.....gian hàng (quy theo gian hàng tiêu chuẩn 9 m<sup>2</sup>).

6. Kết quả thực hiện từng mục tiêu đã đề ra: đề nghị đánh giá kết quả thực hiện so với các mục tiêu nêu tại Mục 1.

7. Kết quả giao dịch (nếu có):

- Số lượng khách giao dịch:

- Số lượng khách hàng nhập khẩu tiềm năng:

- Thị trường xuất khẩu tiềm năng:

- Doanh số bán hàng:

- Hợp đồng/Thỏa thuận đã ký kết (nếu có):

STT	Mặt hàng	Khách hàng (thị trường)	Số lượng	Trị giá/ đơn vị tính
1				
2				
3				

- Kết quả khác:

8. Đánh giá về mặt hàng/thị trường/khả năng cạnh tranh của đơn vị tham gia.

9. Đánh giá của đơn vị tham gia: (tổng hợp dựa trên báo cáo phản hồi của các đơn vị tham gia chương trình).

	Đánh giá	Rất tốt	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
1	Nội dung chương trình	%	%	%	%	%
2	Công tác tổ chức thực hiện	%	%	%	%	%
3	Hiệu quả tham gia chương trình	%	%	%	%	%

10. Đề xuất, kiến nghị:

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT.

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)